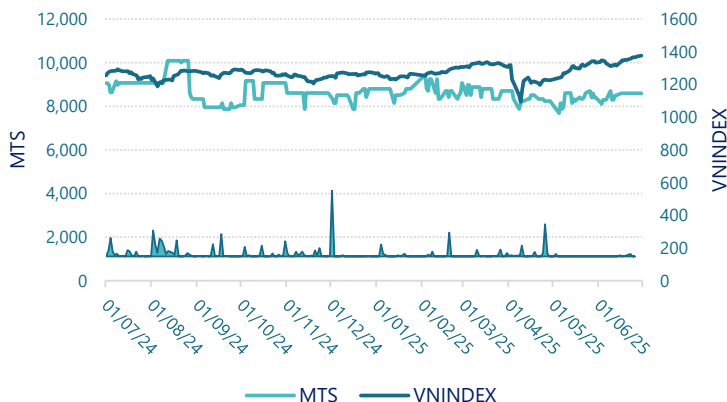


CTCP Vật tư - TKV (UPCOM: MTS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,088
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,682
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,215
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	129
P/E	7.4
EPS	1,162

DT thuần

Q2/25

1,065

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.0| -1.7%

YoY: ▼34.0| -3.1%

LN sau thuế

Q2/25

5.30

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.85| 19.0%

YoY: ▲ 2.06| 63.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.8%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

6T 2025

2,149

tỷ VNĐ

YoY: ▼43.0| -1.9%

LN sau thuế

6T 2025

9.75

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.42| 33.1%

ROE

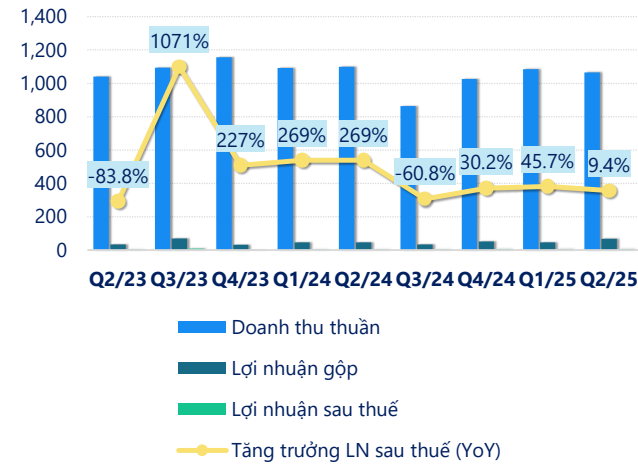
Q2/25

10.3%

+/- YoY: ▲ 0.4%

tỷ VNĐ

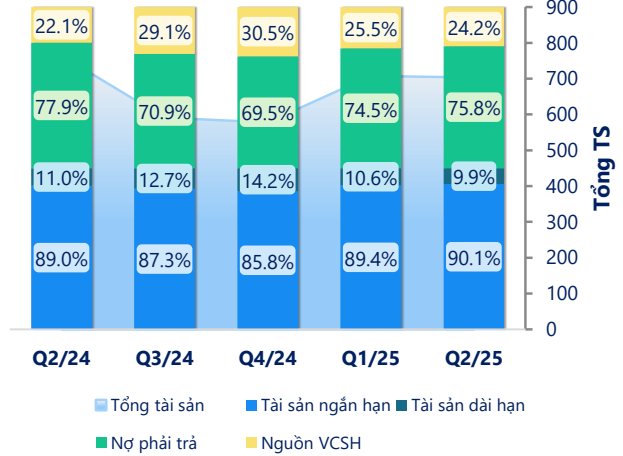
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

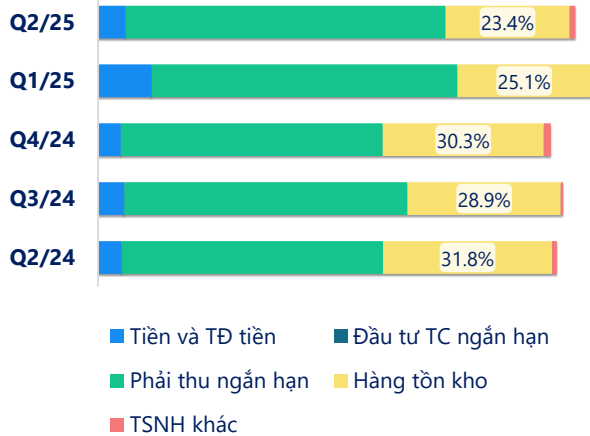
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



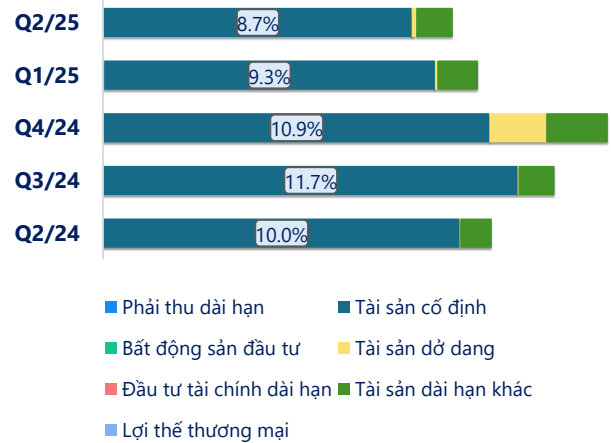
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

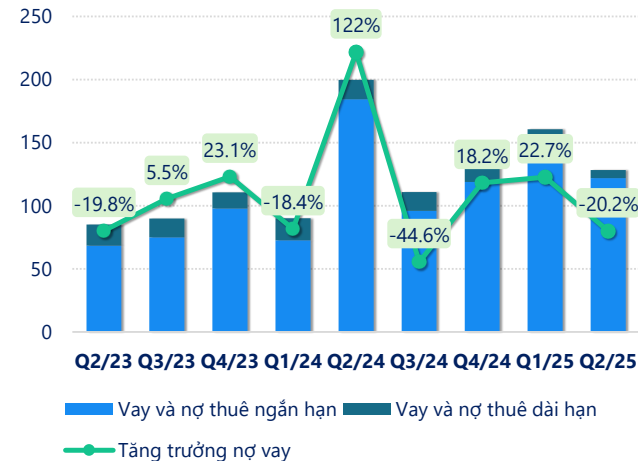
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

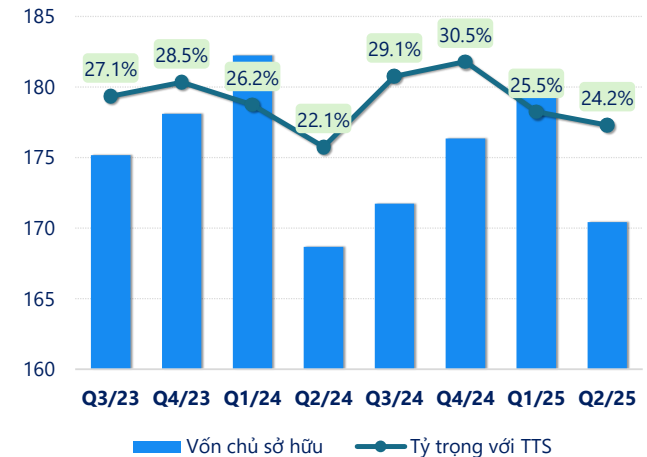
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

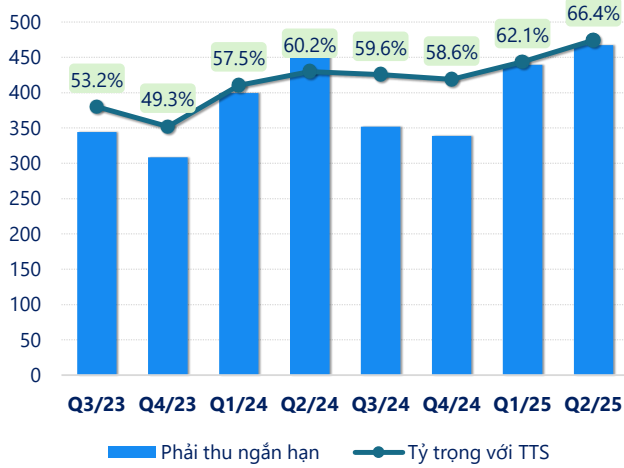
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



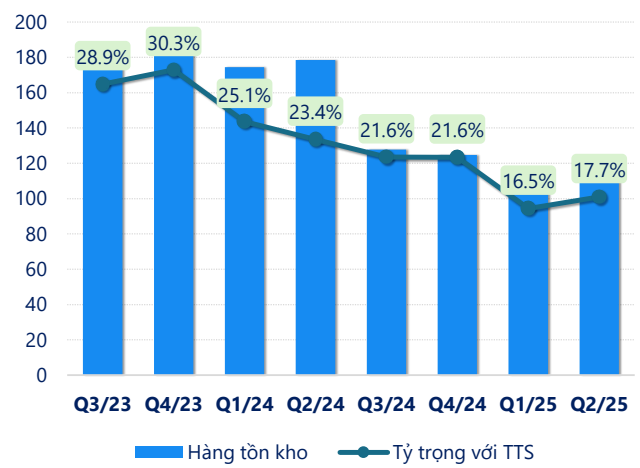
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


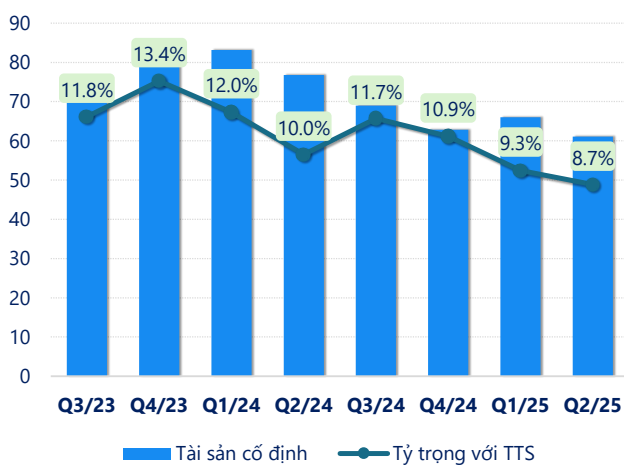
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


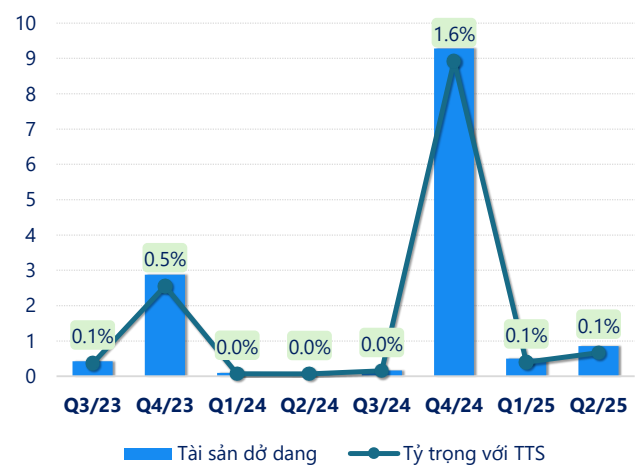
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

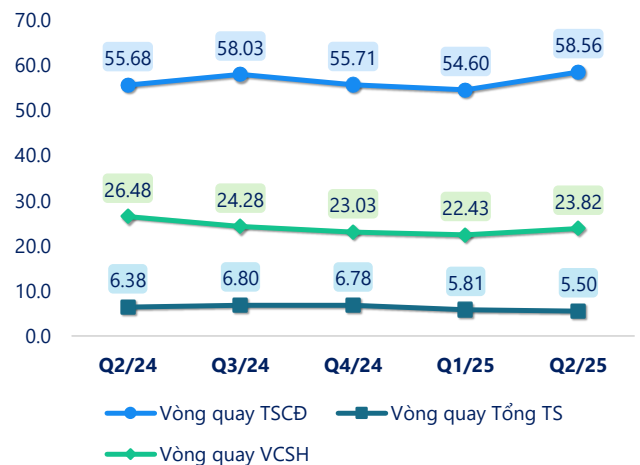
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	764	591	578	708	703
Tài sản ngắn hạn	681	516	495	633	634
Tiền và tương đương tiền	34.0	29.3	24.6	71.5	36.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	460	352	339	439	467
Hàng tồn kho	179	128	125	117	124
Tài sản ngắn hạn khác	8.07	6.69	7.39	4.95	6.22
Tài sản dài hạn	83.9	75.3	82.3	74.9	69.4
Phải thu dài hạn	0.13	0.13	0.18	0.25	0.20
Tài sản cố định	76.8	69.0	62.8	66.0	61.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.09	0.16	9.29	0.50	0.85
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.86	6.01	10.0	8.15	7.29
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	596	419	401	527	533
Nợ ngắn hạn	581	405	389	520	527
Vay và nợ thuê ngắn hạn	185	96.1	119	154	122
Phải trả người bán ngắn hạn	324	257	219	321	324
Nợ dài hạn	15.2	14.7	12.0	7.07	6.31
Vay và nợ thuê dài hạn	15.2	14.7	12.0	7.07	6.31
Nguồn vốn chủ sở hữu	169	172	176	181	170
Vốn chủ sở hữu	169	172	176	181	170
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)